
TRAO ĐỔI/DICUSSION

Quy định số chuyên gia trong “biên chế cơ hữu” là chính sách cam phận đi sau về khoa học

Vũ Cao Đàm*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 08 tháng 5 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 19 tháng 6 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 07 tháng 8 năm 2015

Tóm tắt: Luật KH&GD và Luật Giáo dục đại học quy định phải có chuyên gia trong biên chế cơ hữu. Đây là những quy định tường minh nhiên đúng, nhưng nó lại là hiển nhiên sai, do “Tính mới” của khoa học quy định.

Bài viết chỉ ra sự cần thiết phải tư duy lại triết lý phát triển khoa học, với tư tưởng chủ đạo là tôn trọng tính mới của khoa học, chống lại nguy cơ kéo lùi sự phát triển khoa học của đất nước.

Từ khóa: Khoa học, giáo dục, biên chế cơ hữu, tư tưởng ăn sẵn, tư tưởng tự ti, mặc cảm thua kém, kẻ đi sau, tính mới.

1. Dẫn nhập

Điều 23 Luật Giáo dục đại học quy định việc mở ngành đào tạo phải có chuyên gia trong biên chế cơ hữu; Điều 2, Thông tư 38/2010/TT-BGDĐT, ngày 22/12/2010, Khoản 3, với các tiểu khoản rất cụ thể như sau:

3a) Giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên tham gia giảng dạy ít nhất 70% chương trình đào tạo. Đối với phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, giảng viên tham gia giảng dạy lý thuyết phải có trình độ tiến sĩ;

3b) Có ít nhất 5 giảng viên cơ hữu có bằng tiến sĩ cùng ngành đề nghị cho phép đào tạo, trong đó có ít nhất 3 người cùng chuyên ngành.

Nghị định số 08/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ, Điều 4, Khoản 2 cũng quy định phải có chuyên gia trong biên chế cơ hữu của ngành khoa học dự kiến được mở ra hoạt động.

Các quy định này thoạt nghe thấy rất hợp lý, vì không có chuyên gia trong biên chế cơ hữu thì làm sao đảm bảo hoạt động nghiên cứu và đào tạo? Nhưng suy nghĩ sâu một chút, thì hoàn toàn có thể nhận ra một đại vấn đề trong triết lý chính sách khoa học và giáo dục (KH&GD) của Việt Nam.

* ĐT.: 84-966628704

Email: vcd.precen@gmail.com

Trong bài viết này, tác giả xin được bàn về một khuyết tật rất nghiêm trọng trong đại vấn đề đó, một khuyết tật đầy hệ thống KH&GD Việt Nam cam phận vĩnh viễn đi sau thế giới.

2. Chính sách phát triển đi sau

Đặt tình huống, một đơn vị đào tạo nào đó ở Việt Nam muốn mở ngành nghiên cứu hoặc đào tạo mới.

Trước hết, theo Luật Giáo dục đại học và Luật KH&CN, cơ quan quản lý nghiên cứu và đào tạo sẽ đưa ra đòi hỏi đơn vị này phải thuyết minh, đã có đủ chuyên gia trong biên chế cơ hữu của đơn vị. Điều này đã có một ý nghĩa mặc định, rằng cái ngành đó đã được đào tạo ở đâu đó, mà đơn vị này chỉ làm nhiệm vụ của kẻ đi theo sau kẻ đã đi trước mình.

Thứ hai, giả dụ cái đơn vị nghiên cứu và đào tạo đó là nơi đầu tiên ở Việt Nam xin mở ngành nghiên cứu và đào tạo này. Vẫn theo Luật Giáo dục đại học và Luật KH&CN, đơn vị đó phải thuyết minh có đội ngũ chuyên gia của ngành đó trong biên chế cơ hữu. Muốn vậy, trước đó nhiều năm, đơn vị này đã phải gửi người ra nước ngoài đào tạo, với hy vọng sau đó một số năm có đủ một số chuyên gia trong biên chế cơ hữu để thuyết minh với cơ quan quản lý, rằng đơn vị này đã có đủ số chuyên gia trong biên chế cơ hữu. Như vậy, cái đơn vị đầu tiên mở ngành này ở Việt Nam đã cam phận đi sau nước ngoài về ngành khoa học hoặc ngành đào tạo này.

Luật Giáo dục đại học và Luật KH&CN đưa ra các quy định này, là chính thức đưa ra một tuyên ngôn, rằng đất nước chúng ta cam phận đi sau tất cả các nước trên thế giới về mọi ngành khoa học.

Quy định về biên chế cơ hữu còn là một thông điệp quan trọng, rằng các nhà quản lý

KH&GD Việt Nam đã không đủ tự tin trong các quyết định quản lý KH&GD, phải dựa dẫm vào nước ngoài, là những kẻ đi trước đã mở đường khai lối để chúng ta tiếp bước theo sau.

3. Nguyên nhân trực tiếp

Những quy định trên đây có chỗ đứng trong các văn bản quy phạm pháp luật và các văn kiện chính sách KH&GD Việt Nam có nguyên nhân của nó.

Trước hết dễ thấy nhất là những nguyên nhân trực tiếp. Đó là *tư tưởng ăn sẵn* và *tư tưởng tự ti* trong nghiên cứu và đào tạo. Xét trên một góc độ sâu xa hơn, là *mặc cảm thua kém* trong quản lý nghiên cứu và đào tạo.

Tư tưởng ăn sẵn

Đòi hỏi phải có chuyên gia trong biên chế cơ hữu là thể hiện tư tưởng ăn sẵn:

Thứ nhất, hoặc là đã có sẵn một đơn vị đào tạo nào đó ở trong nước, chẳng hạn, Trường Đại học A đã mở ngành đào tạo này, cung cấp nhân lực để các đơn vị đi sau có đủ số chuyên gia “trong biên chế cơ hữu”, khi họ cần mở ngành đào tạo này, để họ thuyết minh với cơ quan quản lý đào tạo cấp trên. Kết quả là tất cả các đơn vị đào tạo muốn mở ngành mới này phải luôn đi sau Trường A.

Thứ hai, hoặc là không có đơn vị đào tạo nào ở trong nước đã mở ngành này, thì một đơn vị nào đó, mang tư tưởng muốn đi tiên phong, gửi người đi học nước ngoài để có một đội ngũ chuyên gia “trong biên chế cơ hữu”. Kết quả là tất cả các đơn vị đào tạo muốn mở ngành mới này ở nước ta phải luôn đi sau các nước ngoài đã mở ngành đào tạo này.

Tư tưởng tự ti

Thực chất tư tưởng ăn sẵn nêu trên là gì? Khó có thể nói gì khác hơn, là một loại tư tưởng

tự ti trong khoa học. Tư tưởng tự ti có thể được diễn giải như sau:

Thứ nhất, các nhà quản lý KH&GD không tin rằng tự các đơn vị nghiên cứu, đào tạo thuộc thẩm quyền quản lý của mình có thể tổ chức các nhóm chuyên gia nghiên cứu đề xuất và trực tiếp tham gia giảng dạy một ngành khoa học mới, mặc dầu đã có một số người trong đơn vị đào tạo của mình nhận ra nhu cầu của xã hội và thậm chí, đã mở ra những dịch vụ xã hội có liên quan ngành đào tạo này.

Thứ hai, các nhà quản lý KH&GD không tin rằng, tự đơn vị nghiên cứu, đào tạo của mình, tự đất nước mình, có thể tổ chức các nhóm chuyên gia đủ tự tin đánh giá các sáng kiến mở ngành đào tạo ngành khoa học mới mẻ này, mà cứ dửng dưng đòi phải có sẵn một đội ngũ chuyên gia thuộc chính ngành đó “trong biên chế cơ hữu”

Cả hai điều diễn giải trên đây, không thể nói gì khác hơn, là tư tưởng tự ti chi phối quan điểm chỉ đạo trong quản lý KH&GD.

Mặc cảm thua kém

Nói “tư tưởng ăn sẵn” và “tư tưởng tự ti” là nhìn nhận trên những biểu hiện bề mặt của triết lý quản lý giáo dục.

Tuy nhiên, xét đến cùng, “tư tưởng ăn sẵn” và “tư tưởng tự ti” có nguồn gốc sâu xa từ cái mà chúng tôi tạm gọi tên là “mặc cảm thua kém” trong quản lý KH&GD, nghĩ sâu xa hơn một chút, điều đó chính xuất phát từ một tư tưởng, mà cha ông ta gọi là “tư tưởng nô lệ”, một hệ lụy kéo dài ở các xứ thuộc địa sau những giai đoạn lịch sử bị kẻ ngoại bang thống trị.

Thứ nhất, các nhà quản lý KH&GD của chúng ta mang “mặc cảm thua kém” cứ theo một khuôn mẫu từ người khác áp đặt, nhất là khi cái “người khác” ấy là nước ngoài là yên tâm nhất.

Thứ hai, các nhà quản lý KH&GD của chúng ta mang “mặc cảm thua kém”, rằng đơn vị nghiên cứu, đào tạo của mình, đất nước mình không thể nghĩ ra cái gì mới cả, chỉ luôn mang một ý nghĩa mặc định, là dựa dẫm vào cái có sẵn ở nước ngoài.

Thứ ba, các nhà quản lý KH&GD của chúng ta mang “mặc cảm thua kém”, rằng đơn vị đào tạo của mình, đất nước mình dốt nát, hãy cam phận của kẻ thua kém. Kẻ ấy hãy biết phận mình là kẻ đi sau, rằng phải chờ đợi những “bậc đàn anh” đi trước cung cấp cho mình những chuyên gia “trong biên chế cơ hữu”

Cuối cùng, các nhà quản lý KH&GD của chúng ta mang “mặc cảm thua kém”, rằng đơn vị nghiên cứu, đào tạo của mình, đất nước mình không cần sáng tạo, hãy cam phận của kẻ “ăn sẵn”, của kẻ luôn tồn tại với mặc cảm “tự ti”, chờ đợi sự chỉ giáo, sự chia sẻ kinh nghiệm của nước ngoài.

4. Con đường giải phóng

Để đất nước phát triển, cơ quan quản lý KH&GD Việt Nam cần sớm mở ra con đường tự giải phóng mình – Giải phóng khỏi kẻ địch vô hình đang mỗi ngày khống chế hành động quản lý KH&GD với những nỗi ám ảnh có tên gọi rõ ràng, đó là “tư tưởng ăn sẵn”, “tư tưởng tự ti”, và bao trùm trên hết là “mặc cảm thua kém” đã thấm sâu trong triết lý quản lý KH&GD nước ta.

Khái niệm “Con đường giải phóng”, nói nghe rất sáo mòn, nhưng không thể nói khác hơn, là phải nâng cao nhận thức về bản chất của khoa học, cái điều, mà không phải ai trong cộng đồng nghiên cứu cũng dễ dàng chia sẻ.

Xin tạm nêu vài thuộc tính của khoa học như sau:

Tính mới của khoa học

Khoa học luôn mang lại cái mới cho đời sống xã hội. Điều này tưởng ai trong cộng đồng nghiên cứu cũng dễ dàng chia sẻ. Nhưng khi chính các vị hàm cao vị trọng trong chúng ta ngồi thảo luận các quy chế quản lý KH&GD cũng dễ dàng chấp nhận việc “quy hoạch các trường/viện”, hoặc quy định phải có đủ số chuyên gia “trong biên chế cơ hữu”, phải quản lý chặt “mã ngành đào tạo” mà quên rằng, các quy định này vi phạm “Tính mới” của khoa học, là biện pháp được thể chế hóa nhằm kéo lùi trình độ phát triển khoa học của đất nước [1].

Mọi bản quy hoạch luôn bị lạc hậu ngay sau khi nó được viết ra vì sự xuất hiện những ngành khoa học mới. Và khi đã xuất hiện những ngành khoa học mới thì không thể có “biên chế cơ hữu” trong các tổ chức nghiên cứu/đào tạo, không thể có “mã ngành” trong sổ sách của cơ quan quản lý đào tạo.

Di động xã hội trong khoa học

Đây là một quy luật được nghiên cứu trong một lĩnh vực gọi là “*Xã hội học khoa học*”, là sự dịch chuyển vị trí, địa vị xã hội của một bộ phận thành viên trong xã hội, dẫn tới sự thay đổi cơ cấu xã hội.

Trong khoa học, đó là sự thay đổi vị trí của cá nhân nhà khoa học giữa các ngành khoa học, làm thay đổi cơ cấu hoạt động khoa học và cơ cấu phân loại khoa học.

Hoàn toàn nằm trong quy luật di động xã hội, trong khoa học cũng luôn xuất hiện hai dạng di động xã hội: *di động dọc* và *di động ngang*.

Di động dọc là sự thăng tiến hoặc thoái hóa của mỗi cá nhân trong cộng đồng khoa học. Hiện tượng di động dọc chỉ dẫn tới thay đổi cơ cấu trình độ, mà không dẫn tới thay đổi cơ cấu phân loại khoa học.

Di động ngang là sự chuyển dịch của các cá nhân từ ngành khoa học này sang ngành khoa học khác, chẳng hạn, Marie Curie chuyển từ nghiên cứu hóa màu sang vật lý nguyên tử; Ludvig von Bertalanffy chuyển từ nhà nghiên cứu sinh học sang thành người sáng lập lý thuyết hệ thống, Nobert Wiener chuyển từ tiến sỹ logic toán sang thành cha đẻ của ngành điều khiển học

Di động ngang là căn nguyên ra đời của các ngành khoa học mới và các ngành đào tạo mới. Nhưng chính di động ngang lại gặp phải sức chống đối mạnh mẽ của các nhóm bảo thủ trong xã hội và nhất là sự phản ứng quyết liệt của các thế lực học phiệt trong khoa học.

Viện sỹ Viktor Kafarov, cha đẻ của ngành điều khiển học hóa học (Chemistry Cybernetics) của Liên Xô, vốn là thành viên có tên tuổi trong ngành công nghệ hóa học (Chemistry Engineering), nhưng khi đề xướng phát triển lĩnh vực điều khiển học hóa học, ông đã gặp phải sức chống đối quyết liệt của một số thế lực học phiệt trong ngành này. Kết quả là ông đã đứng tách ra (di động ngang) tạo dựng một ngành khoa học mới, ngành điều khiển học hóa học.

Những miền giáp ranh trong khoa học

Trong sự phát triển khoa học, luôn tồn tại những miền giáp ranh giữa các khoa học, chẳng hạn, giữa toán học và vật lý học, giữa toán học và ngôn ngữ học, giữa toán học và logic học, giữa xã hội học với tâm lý học, giữa quản lý học và chính sách học, v.v...

Chính những miền giáp ranh này là mảnh đất rộng mở làm xuất hiện các ngành khoa học mới, đặc biệt là các khoa học liên bộ môn (inter-disciplinary sciences), các khoa học đa bộ môn (multi-disciplinary sciences), các khoa học xuyên bộ môn (trans-disciplinary sciences), cũng như các khoa học liên ngành (inter-sectorial sciences), đa ngành (multi-sectorial sciences) và xuyên ngành (trans-sectorial sciences),

5. Một bài học kinh nghiệm

Đầu thập niên 1990, tôi có cơ hội đến làm việc tại Đại học Roskilde, Đan Mạch.

Tôi đã có một tuần làm việc với giám đốc chương trình đào tạo tiến sỹ về Chính sách Khoa học, Công nghệ và Đổi mới (Policy of Science, Technology and Innovation), là Giáo sư Jan Annerstedt, người từng nhiều lần đến Việt Nam làm việc với tư cách là chuyên gia của UNIDO về chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho Việt Nam; cũng là người được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ mời đến làm việc trong Đoàn chuyên gia Canada về đánh giá chính sách KH&CN của Việt Nam.

Tôi đã dành cả tuần để nghe các bài giảng các chuyên đề của nghiên cứu sinh, đồng thời xem chương trình và danh sách giảng viên của họ. Hầu hết các giảng viên đến từ các nước châu Mỹ, Bắc Âu, Tây Âu và hàng loạt trường khác, bên ngoài Đại học Roskilde. Bản thân GS Annerstedt là người Thụy Điển và chỉ có duy nhất một (01) giáo sư là thuộc “biên chế cơ hữu” của Đại học Roskilde, nhưng ông lại là người Ý. Đó chính là GS Bruno Amoroso, người đã có một chương trình hợp tác với GS Đặng Ứng Vận, Trường Đại học Tổng hợp vào đầu thập niên 1990.

Một điều thú vị hơn nữa, GS Annerstedt không phải là người được đào tạo về ngành chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới, mà được đào tạo về chính trị học.

6. Kết luận và khuyến nghị

Con đường phát triển khoa học là con đường đầy gian nan.

Các chính sách về “quy hoạch” các ngành KH&GD cũng như “biên chế cơ hữu” và nhiều chính sách khác không phải do các nhà lãnh đạo áp đặt, mà do chính các nhà quản lý KH&GD, những người vốn dĩ là các nhà khoa học viết ra.

Các nhà quản lý KH&GD tác giả của các dự thảo chính sách này vốn yên tâm với sự trải nghiệm trong các ngành cụ thể của KH&GD, nhưng họ đã không xem xét kỹ các đặc điểm của bản thân KH&GD và các khía cạnh xã hội của KH&GD, hàng loạt nội dung được tổng kết từ nhiều thế kỷ trước, với tên tuổi những nhà bác học không hề xa lạ với chúng ta, như André-Marie Ampère, John Desmond Bernal [2], René Descartes, Claude Bernard, Friedrich Engels [3], Albert Einstein, v.v...

Vấn đề đặt ra, là chúng ta cần tư duy lại về các triết lý chính sách KH&GD với tư tưởng khắc phục mặc cảm tự ti dẫn tới tư tưởng nô lệ trong khoa học và giáo dục của nước ta.

Triết lý tưởng như mới mẻ ấy phải xuất phát từ những đặc điểm rất quen biết của hoạt động khoa học, đó là:

1) “*Tính mới*” của khoa học. Cái mới của khoa học xuất hiện mọi lúc, mọi nơi, thậm chí tức thời, ngay sau thời điểm một văn bản quy hoạch các viện nghiên cứu, các trường đại học hoặc các ngành đào tạo được viết ra.

2) Đặc biệt là những ý tưởng mới xuất hiện khi người nghiên cứu tìm tòi giữa những “*Vùng giáp ranh*” của khoa học.

3) Đồng thời luôn phải nhìn nhận một thực tế luôn tồn tại trong khoa học, kể từ thời khoa học cổ đại, đó là hiện tượng gọi là “*Di động xã hội*” trong cộng đồng khoa học, một hiện tượng luôn là căn nguyên của sự xuất hiện các ngành khoa học mới

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Cao Đàm, Nghịch lý và Lối thoát, Bàn về triết lý KH&GD Việt Nam, Nxb. Thế giới, 2014.
- [2] John Bernal, The Social Function of Science, Nxb. Akademie-Verlag, 1989
- [3] Friedrich Engels, Biện chứng tự nhiên, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002

Regulating Numbers of Experts to be as Full Time Staff is a Policy that is Obsolete in Terms of Science and Technology

Vũ Cao Đàm

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hanoi, Vietnam

Abstract: The Law on Science and Technology (S&T) and The Law on Higher Education have articles that in all staff registered as a S&T organisation there must be experts for research and training activities.

These articles, at first impression, seems to be right. In fact, however, these articles violate seriously the novelty of scientific activities. The policy causes practically the backwardness of science and education of the country

Keywords: Science, education, existing staff, waite for servants, inferiority complex, slave complex, imitation, novelty.